

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị T Trinh.

2. Ông Nguyễn Văn Thục.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G tham gia phiên tòa:* bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 29/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về “ly hôn, tranh chấp về con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXX-ST ngày 24/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2024.

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Thanh G 1, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đông Thịnh, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

(Đang cư trú, lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Đông Thịnh, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị T, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: năm 2014, chị và anh Nguyễn Thế A gặp gỡ và quen nhau trong quá trình đi lao động tại Hàn Quốc. Sau quá trình tìm hiểu, chị và anh Thế A dần dần nảy sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Được sự đồng thuận từ phía gia đình, ngày 22/12/2015, chị và anh Thế A đã tiến hành đăng ký kết hôn tại

Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc theo quy định pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc, chị và anh Thế A tiếp tục tập trung cho công việc làm ăn, phát triển kinh tế. Khoảng thời gian đầu khi mới kết hôn, vợ chồng sống khá hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng đôi khi có phát sinh mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng đều tự giải quyết được với nhau.

Tuy nhiên, từ năm 2017, tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng liên tục mâu thuẫn với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống: từ chuyện chung sống giữa hai vợ chồng, chuyện chăm sóc và nuôi dạy con đến chuyện làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Trước tình trạng đời sống chung liên tục xảy ra mâu thuẫn mà không cách nào hoá giải, hàn gắn được, cả chị và anh Thế A đều mệt mỏi, bế tắc. Tình trạng này kéo dài khiến vợ chồng không thể tiếp tục gặp mặt, nói chuyện được với nhau và không thể chung sống dưới một mái nhà nữa. Chính vì vậy, cả chị và anh Thế A đã lựa chọn cuộc sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì tới nhau.

Năm 2023, chị đưa các con trở về Việt Nam, còn anh Thế A tiếp tục ở lại Hàn Quốc. Đến nay, chị và anh Thế A đã cắt đứt mọi liên lạc, đồng thời chuyển nơi ở khác khiến chị không thể nào tìm gặp, nói chuyện hay có bất kỳ liên lạc nào. Chị đã nhiều lần liên hệ với gia đình anh Thế A ở Việt Nam để tìm hiểu. Tuy nhiên, gia đình cũng không hay biết thông tin liên lạc.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng không những không mang lại hạnh phúc mà chỉ khiến cả hai thêm mệt mỏi, bế tắc. Vì vậy, chị làm đơn này kính đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế A.

+ Về con chung: trong thời kì hôn nhân, chị và anh Thế A có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 11/01/2016 và cháu Nguyễn Vũ Hạ V, sinh ngày 02/7/2018. Hiện nay, cháu Nguyễn Vũ Hạ V đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Quang D do anh Thế A chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay khi Toà án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Thế A, chị được biết bà Nguyễn Thị A là mẹ đẻ anh Nguyễn Thế A có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Quang D cho anh Nguyễn Thế A nuôi dưỡng, do hiện nay anh Thế A đang lao động cư trú ở nước ngoài bà đề nghị Tòa án tạm giao cháu D cho bà nuôi dưỡng trong thời gian anh Thế A đang lao động cư trú ở nước ngoài. Do vậy, chị đề nghị giao cháu Hạ Vy cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu D cho anh Thế A chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà An nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D trong thời gian anh Thế A ở nước ngoài. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thế A, hiện đang cư trú và lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ, ngày 26/12/2024 anh Thế A có văn bản trình bày ý kiến được hợp pháp hóa lãnh

sự tại hàn Quốc ngày 27/02/2024 có nội dung trình bày:

Anh hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, anh có biết việc chị T có đơn xin ly hôn anh, anh ủy quyền cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị A giải quyết pháp lý về việc ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị T; về tài sản anh và chị T không có; về con chung, anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 11/01/2016 và cháu Nguyễn Vũ Hạ V, sinh ngày 02/7/2018. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Quang D cho anh nuôi dưỡng và tạm giao cho bà Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D trong thời gian anh đang lao động cư trú ở nước ngoài; đề nghị giao cháu Nguyễn Vũ Hạ V cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị A là mẹ đẻ anh Thế A để bà thông báo cho anh Thế A biết việc chị T có đơn xin ly hôn anh. Do anh Thế A vắng mặt ở địa phương Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị A trình bày:

Anh Nguyễn Thế A là con trai bà, chị Phạm Thị T là con dâu bà, anh Thế A hiện nay đang cư trú và lao động ở Hàn Quốc. Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh Thế A, địa chỉ cụ thể của anh Thế A ở Hàn Quốc như thế nào, bà không nắm được, anh Thế A cũng không cung cấp cho gia đình bà biết. Do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Thế A nên chị T có làm đơn xin ly hôn anh Thế A. Bà và gia đình mong muốn con cái được hạnh phúc, vợ chồng anh Thế A, chị T đoàn tụ với nhau, còn việc vợ chồng chị T, anh Thế A không chung sống được với nhau là quyết định của anh chị. Gia đình bà đã thông báo cho anh Thế A biết việc chị T có đơn xin ly hôn anh Thế A.

Về con chung: vợ chồng anh Thế A và chị T có con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 11/01/2016 và cháu Nguyễn Vũ Hạ V sinh ngày 02/7/2018. Hiện nay, cháu Nguyễn Quang D đang ở với bà do bà và gia đình nuôi dưỡng chăm sóc. Vợ chồng chị T anh Thế A ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh Thế A nuôi dưỡng và cháu V cho chị T nuôi dưỡng. Do anh Nguyễn Thế A hiện nay đang lao động cư trú ở Hàn Quốc, bà và gia đình đồng ý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang D trong thời gian anh Nguyễn Thế A lao động ở Hàn Quốc cho đến khi anh Thế A hết hạn hợp đồng về Việt Nam sinh sống. Về cấp dưỡng nuôi cháu D, bà và gia đình không yêu cầu anh Thế A và chị T cấp dưỡng nuôi cháu D.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/12/2023 cháu Nguyễn Quang D trình bày: cháu là con bố Nguyễn Thế A, con mẹ Phạm Thị T. Do bố mẹ cháu mâu thuẫn mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu. Bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với bố là Nguyễn Thế A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, anh Nguyễn Thế A vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị T, anh Nguyễn Thế A, bà Nguyễn Thị A.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 104 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Thế A.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 11/01/2016 cho anh Thế A nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị A là bà nội chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian anh Thế A đang lao động ở nước ngoài; giao cháu Nguyễn Vũ Hạ V, sinh ngày 02/7/2018 cho chị Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết, do chị T và anh Nguyễn Thế A không yêu cầu.

Chị T và anh Nguyễn Thế A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh Nguyễn Thế A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Anh Thế A có văn bản ủy quyền cho bà An, tuy nhiên anh Thế A ủy quyền cho bà An giải quyết vấn đề ly hôn là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị T và bà An.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thế A vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ anh Thế A là bà Nguyễn Thị A để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà An thông báo cho anh Thế A biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thế A; yêu cầu anh Thế A viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà An cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Thế A ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị A trình bày: anh Thế A ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Tuy nhiên, bà An vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Thế A cho Tòa án, anh Thế

A chỉ gửi văn bản ủy quyền cho mẹ là bà An giải quyết việc ly hôn cho anh trong thời gian anh không có nhà. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thế A theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: chị T là nguyên đơn cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Thế A hiện đang lao động tại nước ngoài. Căn cứ công văn số 34557/QLXNC-P3 ngày 22/12/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an xác định, anh Thế A đã xuất cảnh ngày 05/01/2009, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: chị T và anh Nguyễn Thế A kết hôn ngày 22/12/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ Quán Việt Nam ở Hàn Quốc. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế A. Hội đồng xét xử thấy: sau khi kết hôn chị T và anh Nguyễn Thế A chung sống với nhau được một thời gian. Từ năm 2017, tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng liên tục mâu thuẫn với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống: từ chuyện chung sống giữa hai vợ chồng, chuyện chăm sóc, nuôi dạy con đến chuyện làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Trước tình trạng đời sống chung liên tục xảy ra mâu thuẫn mà không cách nào hoá giải, hàn gắn được, cả chị T và anh Thế A đều mệt mỏi, bế tắc. Tình trạng này kéo dài khiến vợ chồng không thể tiếp tục gặp mặt, nói chuyện được với nhau và không thể chung sống dưới một mái nhà nữa. Chị và anh Thế A đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì tới nhau. Đến nay, chị và anh Thế A đã cắt đứt mọi liên lạc, đồng thời anh Thế A chuyển nơi ở khác khiến chị không thể nào tìm gặp, nói chuyện hay có bất kỳ liên lạc nào. Chị đã nhiều lần liên hệ với gia đình anh Thế A ở Việt Nam để tìm hiểu. Tuy nhiên, gia đình cũng không hay biết thông tin liên lạc. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Thế A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Thế A.

[4]. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 11/01/2016 và cháu Nguyễn Vũ Hạ V, sinh ngày 02/7/2018. Vợ chồng ly hôn

nguyện vọng của chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, giao cháu D cho anh Thế A nuôi dưỡng. Nguyên vọng của anh Thế A đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Quang D cho anh nuôi dưỡng. Cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bố là Nguyễn Thế A. HĐXX xét thấy, đây là nguyện vọng và sự tự nguyện của chị T, anh Thế A và cháu D và để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của các cháu, đảm bảo việc phát triển tốt nhất của các con chung nên giao cháu V cho chị Phạm Thị T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu D cho anh Thế A nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị T, anh Thế A và cháu D. Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Quang D cho bà Nguyễn Thị A (là bà nội) nuôi dưỡng trong thời gian anh Thế A lao động ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T, anh Thế A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị T, anh Thế A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị Nguyệt thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[7]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 479; Điều 271; Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế A.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 11/01/2016 cho anh Nguyễn Thế A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D trong thời gian anh Thế A đang lao động ở nước ngoài; giao cháu Nguyễn Vũ Hạ V, sinh ngày 02/7/2018 cho chị Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh Thế A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T và anh Thế A thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp

tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000904 ngày 15/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc G. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Thế A đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị T, bà An đang cư trú ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc G;
- Cục THADS tỉnh Bắc G;
- UBND xã Tam D, huyện Lục N;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

